

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-ST  
Ngày: 20-6-2023  
“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự”  
(giữa NH T và bà T)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST - DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty T; địa chỉ: Tòa nhà REE Tower, đường Đoàn Văn B Phường MB, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Giang - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ: 20, ngày 14/02/2022)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lương Hoàng Y - Chức vụ: Trưởng Phòng Tổ tụng (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 15/3/2021 và Giấy ủy quyền số: 41 và 42/UQ-XLTD.22 ngày 18/3/2022 được thay thế bằng văn bản ủy quyền số: 187/UQ-XLTD.22 ngày 29/12/2022 và Quyết định số: 038705/2021/QĐBN.01 ngày 25/12/2021); địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà REE Tower, đường Đoàn Văn B Phường BM, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

- Bị đơn: Bà **Ông Giang T**, sinh năm: 1997; địa chỉ: đường L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (**có đơn xin xét xử vắng mặt**)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 nguyên đơn Ngân hàng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp bà Lương Hoàng Y trình bày:

Ngày 26/4/2019 bà Ông Giang T ký Hợp đồng tín dụng số: 20190426-6952200 với Ngân hàng để vay số tiền 26.375.000đ, lãi suất thỏa thuận 3,33%/tháng để tiêu dùng cá nhân, tổng tiền gốc và lãi là 39.164.322đ thỏa thuận trả trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.613.684đ, tháng cuối cùng trả 2.049.590đ. Để thực hiện Hợp đồng bà Thanh trả cho Ngân hàng được 13 kỳ với số tiền 22.179.788đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ **tính đến ngày 03/10/2022** bà Thanh còn phải thanh toán cho Ngân hàng 16.984.534đ. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp, bà Lương Hoàng Y yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T trả 16.984.534đ (**trong đó: tiền gốc 10.137.790đ, tiền lãi 6.846.744đ**)

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: **giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1808381 ngày 25/4/2019, phần phê duyệt của Ngân hàng, bảng kế hoạch trả nợ; lịch sử thanh toán**. Ngoài ra, còn các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do dù được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn. Ngày 31/5/2023 bà T trực tiếp đến Tòa án nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt, lý do Bà bận công việc gia đình, trong đó Bà đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của Ngân hàng, nợ gốc và lãi 16.984.534đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện cho Ngân hàng, bà Y có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện kèm theo quyết định số: 08a/QĐ-PTrKD ban hành khung lãi suất sản phẩm **ngày 10/02/2017; bà T xin vắng mặt tại phiên tòa và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng**.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu **bà T trả 16.984.534đ, bà T đồng ý trả nợ**. Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định vụ án Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thời điểm xác lập hợp đồng vay bà Thanh có địa chỉ tại đường L, Phường B, thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, **Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1808381 ngày 25/4/2019 được ký giữa hai bên, phần phê duyệt của Ngân hàng, bảng kế hoạch trả nợ; lịch sử thanh toán; tại đơn xin xét xử vắng mặt bà T đồng ý trả tiền gốc. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc Bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc **10.137.790đ**.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, bà Thanh đồng ý trả lãi cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc Bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền nợ lãi **6.846.744đ**

[3] Về án phí: Ngân hàng yêu cầu **bà T trả 16.984.534đ**, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là **849.000đ**; hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, **Điều 228, Điều 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP

ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

### **1/ Về nội dung:**

Công nhận sự tự nguyện của bà Ông Giang T về việc bà T có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền 16.984.534đ (trong đó: tiền gốc 10.137.790đ, tiền lãi 6.846.744đ)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1/ Buộc bà Ông Giang T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 849.000đ (tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng);

2.2/ Công ty T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 425.000đ (bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N<sup>0</sup> 0001818 ngày 31/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Loan**

